TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CL** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 171/2024/DS-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Thơ;

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
- Bà Nguyễn Thị Bạch C, sinh năm 1959;
- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Số 15, đường HC, Phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Bảo H, sinh năm 1985, địa chỉ: Số 1088, đường NH, Phường HT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/6/2024).

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 493, Tổ BT, Khóm B, Phường S, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Minh Th, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 493, Tổ BT, Khóm B, Phường S, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Nguyễn Bảo H có mặt, bà Bùi Thị Thu L, anh Nguyễn Minh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T có chị Nguyễn Bảo H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T với bà Bùi Thị Thu L có mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 10/3/2021 vợ chồng bà C và ông T có cho bà L vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để làm chi phí cho con đi học ở Nhật Bản, được thể hiện bằng biên nhận vay vốn ngày 10/3/2021. Khi cho vay, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản. Bà L cam kết đến ngày 10/3/2024 sẽ trả toàn bộ số tiền trên bao gồm tiền lãi cho vợ chồng bà C và ông T. Bà L vay tiền của bà C và ông T có xác nhận của anh Nguyễn Minh Th (con trai của bà L). Sau khi vay tiền, bà L có đóng tiền lãi cho bà C và ông T (có khi là bà L đóng, có khi là anh Th chuyển tiền qua tài khoản của ông T) đến tháng 3/2024 thì ngưng đóng cho đến nay. Bà C và ông T đã nhiều lần đến gặp bà L và anh Th để thỏa thuận việc trả nợ nhưng bà L và anh Th hứa hẹn nhiều lần nhưng đến nay vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà C, ông T.

Nay bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T yêu cầu bà Bùi Thị Thu L và anh Nguyễn Minh Th liên đới trả cho bà C, ông T số tiền vốn là 300.000.000 đồng và số tiền lãi 18.000.000 đồng (tạm tính từ ngày 10/3/2024 đến ngày 10/5/2024 với lãi suất 3%/tháng), tổng số tiền vốn và số tiền lãi là 318.000.000 đồng (Ba trăm mười tám triệu đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 11/5/2024 đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu bà Bùi Thị Thu L và anh Nguyễn Minh Th liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Nguyên đơn rút lại yêu cầu bà L và anh Th liên đới trả tiền lãi của số tiền vốn vay 300.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi bà L đã đóng thì bà C và ông T không nhớ số lần đóng và số tiền lãi bà L đã đóng là bao nhiêu. Bà C và ông T không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền lãi bà L đã đóng.

Đối với bị đơn Bùi Thị Thu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh Th: Tòa án nhân dân thành phố CL đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị Thu L và anh Nguyễn Minh Th nhưng bà L và anh Th không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Bùi Thị Thu L và anh Nguyễn Minh Th liên đới trả số tiền vốn vay 300.000.000 đồng và số tiền lãi, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Bùi Thị Thu L có địa chỉ tại Số 493, Tổ BT, Khóm B, Phường S, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà Bùi Thị Thu L và anh Nguyễn Minh Th nhưng bà L và anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu bà Bùi Thị Thu L và anh Nguyễn Minh Th liên đới trả số tiền vốn vay 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án biên nhận vay vốn đề ngày 10/3/2021 và 02 Giấy báo đề ngày 17/02/2024 và ngày 12/3/2024 của Ngân hàng BIDV. Ngoài biên nhận vay vốn ngày 10/3/2021 và 02 Giấy báo nêu trên, nguyên đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ khác.

[2.1.1] Theo biên nhận vay vốn đề ngày 10/3/2021 thể hiện nội dung "Tôi tên: Bùi Thị Thu L SN 1969 CMND 340740322 cấp ngày 11/02/2009. CAĐT hiện đang cư ngụ tại địa chỉ số 493 Tổ 38- K4 – P6 thành phố CL – Đồng Tháp. Tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Bạch C và anh Nguyễn Minh T với số tiền mượn là: 300.000.000 (Ba trăm triệu). Thời hạn: 10/3/2021 đến ngày 10/3/2024 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên.". Tại biên bản làm việc với đương sự ngày 13/8/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/9/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận người vay tiền của bà C và ông T là bà L, không phải là anh Th. Bà L là người viết biên nhận, là người ký tên, viết họ tên người mượn Bùi Thị Thu L vào biên nhận vay vốn. Anh Nguyễn Minh Th ký tên và viết họ tên Nguyễn Minh Th vào chỗ xác nhận trong biên nhận vay vốn đề ngày

10/3/2021 là xác nhận nội dung bà L có vay của bà C và ông T số tiền 300 triệu đồng để cho anh Th đi du học và bà L đã nhận tiền vay của bà C và ông T, biên nhận vay vốn đề ngày 10/3/2021 không thể hiện việc anh Th xác nhận có trách nhiệm liên đới cùng với bà L trả tiền vay cho bà C và ông T. Anh Th có cam kết sẽ cùng bà L trả tiền vay cho bà C và ông T nhưng anh Th cam kết bằng lời nói, nguyên đơn không cung cấp được người làm chứng hay tài liệu chứng cứ chứng minh.

Biên nhận vay vốn đề ngày 10/3/2021 có thể hiện bà L vay tiền của bà C và ông T để cho con (anh Th) đi du học nhưng đó là mục đích sử dụng tiền vay của người vay tiền, không thể hiện trách nhiệm ràng buộc của người được thụ hưởng số tiền vay là anh Th phải liên đới cùng bà L trả tiền vay khi không có căn cứ xác định anh Th đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả tiền.

[2.1.2] Đối với 02 Giấy báo của Ngân hàng BIDV do nguyên đơn cung cấp có thể hiện ngày 17/02/2024 và ngày 12/3/2024, tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Minh Th có chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của ông Nguyễn Minh T, cụ thể ngày 17/02/2024 chuyển số tiền 7.500.000 đồng, ngày 12/3/2024 chuyển số tiền 6.500.000 đồng. Nguyên đơn xác định số tiền anh Th chuyển khoản cho ông T là tiền lãi anh Th đóng cho bà C, ông T. Tuy nhiên, Giấy báo không thể hiện nội dung số tiền chuyển khoản từ tài khoản anh Th vào tài khoản ông T là tiền gì, có phải là số tiền lãi phải trả cho bà C, ông T hay không và nội dung chuyển khoản của 02 Giấy báo nêu trên cũng không thể hiện anh Th là người cùng bà L vay tiền của bà C và ông T, cũng không thể hiện việc anh Th cam kết có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả tiền.

Đối với bị đơn Bùi Thị Thu L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay bà L không cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến hay tài liệu chứng cứ thể hiện việc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó."*

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định bà Bùi Thị Thu L có vay của bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T số tiền 300.000.000 đồng, khi đến thời hạn trả nợ vay bà L không thực hiện việc trả tiền cho bà C và ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Không có căn cứ xác định anh Nguyễn Minh Th có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả cho bà C và ông T số tiền vốn vay 300.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Bùi Thị Thu L và anh Nguyễn Minh Th liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 300.000.000 đồng, cụ thể chấp nhận yêu cầu bà Bùi Thị Thu L trả số tiền vốn vay cho bà C và ông T, không chấp nhận yêu cầu anh Nguyễn Minh Th liên đới cùng bà L trả nợ vay cho bà C, ông T.

[2.3] Đối với yêu cầu về tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/9/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn xin rút lại yêu cầu bà L và anh Th liên đới trả số tiền lãi phát sinh của số tiền vốn vay 300.000.000 đồng,

nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Xét, việc rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi nêu trên theo quy định tại Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Đối với số tiền lãi nguyên đơn trình bày bà L, anh Th đã đóng cho bà C và ông T: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nhưng do là người cao tuổi nên được miễn nộp; bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền vốn vay 300.000.000 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 217, Điều 218, Điều 244, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu bà Bùi Thị Thu L và anh Nguyễn Minh Th liên đới trả số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Buộc bà Bùi Thị Thu L có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu anh Nguyễn Minh Th liên đới cùng bà Bùi Thị Thu L trả số tiền vốn vay 300.000.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu bà Bùi Thị Thu L và anh Nguyễn Minh Th liên đới trả tiền số tiền lãi của số tiền vốn vay 300.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Bạch C và ông Nguyễn Minh T được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Anh Nguyễn Minh Th không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hừng